



Hoạt động bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên tại các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và khuyến nghị

Đàm My Khanh¹, Phạm Thị Thúy Hằng²

¹Trường Tiểu học Lê Thị Riêng, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 11/11/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 26/12/2024

Ngày nhận đăng: 28/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Bồi dưỡng năng lực;

Tư vấn học đường;

Giáo viên;

Tiểu học.

TÓM TẮT

Công tác tư vấn học đường (TVHD) cho HS ở Việt Nam hiện nay còn chưa phổ biến; các trường học còn thiếu đội ngũ chuyên sâu thực hiện công tác này. Trước những yêu cầu đặt ra trong việc cần phải có đội ngũ giáo viên (GV) có năng lực TVHD cho HS, hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHD cho đội ngũ GV trường tiểu học trở nên cấp bách, quan trọng. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHD cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trên các khía cạnh: mục tiêu bồi dưỡng; nội dung bồi dưỡng; hình thức bồi dưỡng; lực lượng tổ chức bồi dưỡng; điều kiện tổ chức bồi dưỡng; đánh giá kết quả bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để các chủ thể thực hiện hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHD cho đội ngũ GV trường tiểu học có các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại các trường tiểu học trên địa bàn.

1. MỞ ĐẦU

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1997) nhấn mạnh: “trường học cần không ngừng nâng cao năng lực của mình như một môi trường lành mạnh để sống và học tập”; chính vì vậy, việc chăm sóc giáo dục, tạo mọi điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện, bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, trong môi trường học đường có vai trò quan trọng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023a); là chìa khóa cho việc quản lý trường học và mang lại chất lượng giáo dục toàn diện tại trường học. Lứa tuổi học sinh là giai đoạn quan trọng để định hình lối sống và nhân cách; trong quá trình đó, có nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức gây ra khó khăn cho HS. Nghiên cứu của UNICEF (2022) tại Việt Nam chỉ ra rằng, có từ 12-40% HS gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Vì vậy, ngành giáo dục và mỗi nhà trường cần có chương trình hành động hướng tới mục tiêu kiến tạo những giá trị tốt đẹp và bền vững trong môi trường giáo dục toàn diện dành cho người học trong nhà trường (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Giáo dục tiểu học (GDTH) là bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. GDTH có mục tiêu quan trọng đảm nhiệm vai trò đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển toàn diện của học sinh (HS) (Quốc hội, 2019). Đối với HS lứa tuổi tiểu học, đến trường và trở thành HS, đó là một bước ngoặt trong cuộc đời của HS tiểu học, tuy vậy, đứng trước ngưỡng cửa mới này, HS tiểu học có thể gặp không ít những khó khăn có thể ảnh hưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập và phát triển bản thân tích cực (Lê, 2023; Nguyễn et al., 2018). Nghiên cứu trên nhóm mẫu 1.317 HS tiểu học tại Hà Nội báo cáo, có 41% HS có nguy cơ cao gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần, có biểu hiện lâm sàng cần can thiệp (tham vấn, trị liệu) từ chuyên gia; 29% HS ở mức ranh giới gặp khó khăn cần sự hỗ trợ (phòng ngừa, hướng dẫn) của giáo viên

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thúy Hằng;

Địa chỉ e-mail: ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.124.2025>

(GV), cha mẹ và phòng Tham vấn tâm lí. HS có dấu hiệu đang gặp các vấn đề khó khăn trong quan hệ bạn bè nhiều hơn cả với 18.3% HS ở mức có biểu hiện lâm sàng và 21.9% HS ở ranh giới/nguy cơ lâm sàng (Phạm et al., 2024). Vì vậy, hoạt động tư vấn học đường (TVHĐ) hướng đến tất cả HS trong nhà trường, có ý nghĩa hướng đến đảm bảo sức khỏe thể chất và tâm lí ổn định cho HS, tạo điều kiện tốt nhất để các em tham gia học tập, rèn luyện và phát triển bản thân là hết sức cần thiết, đặc biệt đối với HS tiểu học. Tuy nhiên, TVHĐ ở Việt Nam hiện nay còn chưa phổ biến và chưa hình thành được đội ngũ chuyên gia được đào tạo đúng chuyên môn để đảm nhận công tác TVHĐ cho HS ở nhà trường. Hầu hết các GV chủ nhiệm và GV bộ môn sẽ là người TVHĐ cho chính HS của mình (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017).

Đứng trước xu hướng vấn đề sức khỏe tâm thần ở trẻ em và thanh thiếu niên ngày càng gia tăng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và các cơ quan Nhà nước có liên quan đã ban hành các văn bản pháp lí tạo “hành lang” cho công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần cho HS như: Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lí cho HS trong trường phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017); Kế hoạch giáo dục sức khỏe tâm thần cho trẻ em, HS giai đoạn 2022 – 2025 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022b); Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các CSGD phổ thông và các trường chuyên biệt công lập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019); Quy chế bồi dưỡng thường xuyên GV, cán bộ quản lý (CBQL) cơ sở (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023b); Chương trình BDNL tư vấn cho GV phổ thông làm công tác tư vấn cho HS (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Quy định về việc đánh giá xếp loại kết quả bồi dưỡng thường xuyên của GV (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Từ đó, nhà trường phổ thông nói chung, trường tiểu học nói riêng có căn cứ xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần cho HS. Song cho đến nay, việc triển khai công tác này trong các nhà trường vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại. Việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cho HS đã được quan tâm nhưng vẫn còn thiếu thốn cả về nguồn lực con người và điều kiện khác để thực hiện đồng bộ (Lê, 2017; Nguyễn, 2021).

Việc triển khai các hoạt động bồi dưỡng và quản lý hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn Quận 10, TP.HCM đã được quan tâm thực hiện và mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV còn chưa mang tính thường xuyên, đồng bộ và thống nhất. Việc thực hiện các chức năng quản lý như xây dựng kế hoạch hoạt động bồi dưỡng; tổ chức và chỉ đạo; kiểm tra - đánh giá (KT-ĐG) hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu vẫn còn gặp nhiều hạn chế, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý chưa cao. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để các chủ thể thực hiện hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHĐ cho đội ngũ GV trường tiểu học có các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại các trường tiểu học trên địa bàn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Đối tượng khảo sát*: Nghiên cứu khảo sát trên 60 CBQL Phòng GD&ĐT Quận 10, TP.HCM và CBQL cấp trường (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn) và 150 GV, các thành viên trong Tổ Tư vấn tâm lý học đường (theo quy định tại Thông tư 31/2027/TT-BGD-ĐT) ở 8 trường Tiểu học công lập trên địa bàn Quận 10, TP.HCM, bao gồm: Tiểu học Lê Thị Riêng; Tiểu học Bắc Hải; Tiểu học Triệu Thị Trinh; Tiểu học Dương Minh Châu; Tiểu học Trần Quang Cơ; Tiểu học Trần Nhân Tôn; Tiểu học Hồ Thị Kỷ; Tiểu học Thiên Hộ Dương.

- *Phương pháp nghiên cứu và xử lí số liệu*: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập dữ liệu. Trong phiếu hỏi, câu hỏi điều tra thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc. Cụ thể đánh giá về mức độ quan trọng/mức độ thực hiện/mức độ hiệu quả được quy ước như sau: Rất quan trọng/Rất thường xuyên/Tốt ($4,21 \leq M \leq 5$); Quan trọng/Thường xuyên/Khá ($3,41 \leq M < 4,20$); Bình thường/Thỉnh thoảng/Trung bình ($2,6 \leq M < 3,40$); Ít quan trọng/Ít thực hiện/Yếu ($1,81 \leq M < 2,60$); Không quan trọng/Không thực hiện/Kém ($1,0 \leq M < 1,80$). Phiếu hỏi đảm bảo những yêu cầu cần thiết của một công cụ nghiên cứu, các câu hỏi trong bảng hỏi có độ tin cậy tốt (Cronbach's Alpha = 0,83). Phiếu khảo sát được phát trực tiếp đến các đối tượng khảo sát trong thời gian khảo sát từ tháng 5 đến tháng 8/2024. Số liệu điều tra được xử lí thông qua phần mềm SPSS 20 với phép phân tích như thống kê mô tả trung bình (ĐTB: Điểm trung bình và SD: Độ lệch chuẩn); kiểm định hai mẫu độc lập; Hệ số tương quan Pearson (r).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh về mục tiêu bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên tiểu học

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, CBQL và GV đánh giá cao mức độ quan trọng của các mục tiêu thể hiện cấu trúc thành phần năng lực TVHĐ (kiến thức, kĩ năng, thái độ) của đội ngũ GV cần hình thành và phát triển thông qua hoạt động bồi dưỡng trong khoảng điểm mức “quan trọng” (ĐTB = 3,85 – 4,20). Đây

được xác định là những mục tiêu trọng tâm nhằm hình thành và phát triển năng lực TVHD từ những năng lực thành phần, từng bước tháo gỡ những bất cập về trong bối cảnh các nhà trường chưa hình thành được đội ngũ chuyên gia được đào tạo đúng chuyên môn để đảm nhận công tác TVHD cho HS ở nhà trường. Hầu hết các GV chủ nhiệm và GV bộ môn sẽ là người TVHD cho chính HS của mình []. Trong đó, các mục tiêu được đánh giá có mức quan trọng cao nhất tại mỗi thành phần bao gồm: Mục tiêu về kiến thức: “Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác tư vấn cho HS” (**ĐTB= 4,20**) “Trang bị kiến thức TVHD cho GV (vai trò, nội dung, hình thức, quy trình tư vấn)” (**M = 4,12**); Mục tiêu về kỹ năng: “Vận dụng quy trình và nguyên tắc chung để tham vấn, hướng dẫn HS giải quyết vấn đề của chính HS (**ĐTB = 4,05**) và Mục tiêu về thái độ: “Hình thành tinh thần trách nhiệm; tích cực vận dụng kiến thức và kỹ năng tìm hiểu nhu cầu tư vấn và hỗ trợ HS giải quyết khó khăn” (ĐTB=4,16); Bồi dưỡng thái độ tích cực, sẵn sàng lắng nghe; quan tâm tìm hiểu để đánh giá và hỗ trợ khó khăn tâm lý của HS ” (ĐTB=4,13). Các mục tiêu khác được CBQL và GV đánh giá có mức độ “quan trọng”.

Bảng 1. Nhận thức của CBQL và GV về mục tiêu hoạt động BDNL TVHD cho đội ngũ GV tiểu học

Stt	Mục tiêu	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
Nhận thức								
1	Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của TVHD cho HS	0	0	11,2	57,2	31,6	4,20	0,623
2	Trang bị kiến thức về TVHD cho GV (vai trò, nội dung, hình thức, quy trình tư vấn)	0	0	18,1	51,6	30,2	4,12	0,687
3	Hiểu được đặc điểm và nhu cầu được tư vấn của HS	0	0	35,3	44,2	20,5	3,85	0,734
Kỹ năng								
4	Vận dụng quy trình và nguyên tắc chung để tham vấn, hướng dẫn HS giải quyết vấn đề của chính HS	0	0	18,1	58,6	23,3	4,05	0,643
5	Vận dụng phương pháp, kỹ thuật tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lý của HS	0	0	28,4	51,6	20,0	3,92	0,692
6	Lập kế hoạch tư vấn, hỗ trợ HS giải quyết các vấn đề cụ thể của bản thân	0	0	27,0	46,0	27,0	4,00	0,736
Thái độ								
7	Bồi dưỡng thái độ tích cực, sẵn sàng lắng nghe; quan tâm tìm hiểu để đánh giá và hỗ trợ khó khăn tâm lý của HS	0	0	16,3	54,4	29,3	4,13	0,664
8	Hình thành tinh thần trách nhiệm; tích cực vận dụng kiến thức và kỹ năng tìm hiểu nhu cầu tư vấn và hỗ trợ HS giải quyết khó khăn	0	0,9	9,8	61,4	27,9	4,16	0,624
9	Chủ động tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng tư vấn cho HS	0	0	25,6	48,8	25,6	4,00	0,717

* Ghi chú: 1: Không quan trọng; 2: Ít quan trọng; 3: Bình thường; 4: Quan trọng; 5: Rất quan trọng ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$)

Giá trị **ĐLC** < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ tập trung ý kiến rất cao. Không có CBQL và GV nào đánh giá các mục tiêu ở mức độ “ít quan trọng” và “không quan trọng” (0%). Điều này cho thấy, có sự tương đồng có ý nghĩa trong đánh giá và thể hiện sự thống nhất về ý kiến đánh giá của đội ngũ CBQL và GV được khảo sát. Tóm lại, CBQL và GV đánh giá cao mức độ quan trọng của mục tiêu hoạt động BDNL TVHD trên tất cả các khía cạnh tích cực: phát triển chuyên môn của GV, Đối với sức khỏe thể chất và tâm lý của HS và đối với bối cảnh đổi mới giáo dục.

3.2. Thực trạng nội dung bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, CBQL và GV đánh giá thực trạng nội dung BDNL TVHD cho đội ngũ GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu thực hiện ở mức độ “thường xuyên” (ĐTB = 3,68) và hiệu quả ở mức “khá” (ĐTB = 3,61). Giá trị **ĐLC** < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ phân tán ý kiến rất nhỏ. Trong đó, nội dung bồi dưỡng có sự tương đồng và xếp thứ hạng cao nhất về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện lần lượt là: Bồi dưỡng về “Những vấn đề chung về tư vấn cho HS”; “Kỹ năng tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lý HS ” và “Kỹ năng tư vấn học tập cho HS ”.

Xét trên từng nội dung bồi dưỡng cụ thể, các nội dung bồi dưỡng được CBQL và GV đánh giá có mức thực hiện ở mức “thỉnh thoảng” và hiệu quả thực hiện ở mức “trung bình” bao gồm: “Kỹ năng tư vấn HS có hành vi lệch chuẩn”. Nội dung bồi dưỡng về “Kỹ năng tham vấn học đường cơ bản” có mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,21) nhưng hiệu quả chỉ ở mức “trung bình” (M=3,17). Nhìn chung, xét về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện, kết quả báo cáo ĐTB của hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện, thể hiện những hạn chế, bất cập trong thực trạng nội dung BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về nội dung BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Những vấn đề chung về tư vấn cho HS	4,12	0,66	4,02	0,71	0,28**
2	Kỹ năng tham vấn học đường cơ bản	3,21	0,61	3,17	0,58	0,16**
3	Kỹ năng tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lí HS	4,12	0,71	4,00	0,75	0,41**
4	Kỹ năng tư vấn HS gặp khó khăn về tâm lí	3,90	0,72	3,82	0,76	0,25**
5	Kỹ năng tư vấn HS có hành vi lệch chuẩn	3,17	0,57	3,19	0,53	0,16**
6	Kỹ năng tư vấn học tập cho HS	3,93	0,75	3,86	0,76	0,27**
7	Kỹ năng tư vấn giới tính cho HS	3,29	0,64	3,22	0,61	0,18**
Chung		3,68	0,75	3,61	0,71	0,35*

* Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; r: Hệ số tương quan giữa mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả; *: $p < 0.05$; **: $p < 0.01$

Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, trong từng nội dung, mức độ thực hiện và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ ($r = 0,16-0,41$ với $p < 0,01$). Kết quả này định hướng các trường tiểu học Quận 10, TP.Hồ Chí Minh càng thực hiện thường xuyên các nội dung BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV thì mức độ hiệu quả càng cao. Vì vậy, các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu cần cải tiến, khắc phục các hạn chế, bất cập này thông qua việc tập trung, chú trọng thực hiện nội dung BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV một cách có hệ thống, khoa học trong tính toán diện và thống nhất về mức độ thực hiện, và bám sát yêu cầu giáo dục HS và thực tiễn nhu cầu TVHĐ của HS tại nhà trường.

3.3. Thực trạng hình thức tổ chức bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về hình thức tổ chức BDNL TVHĐ cho GV

Stt	Hình thức	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Hình thức bồi dưỡng tập trung của cơ quan QLGD	4,25	0,71	4,18	0,76	0,33*
2	Bồi dưỡng chuyên đề thường xuyên tại địa phương	3,37	0,62	3,32	0,68	0,32**
3	Sinh hoạt chuyên môn cụm trường tiểu học	4,10	0,77	4,03	0,79	0,19**
4	Sinh hoạt tổ chuyên môn tại trường tiểu học	3,96	0,77	3,85	0,88	0,26**
5	Hình thức lớp học trực tuyến của cơ quan QLGD	4,04	0,74	4,01	0,76	0,41*
6	Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học, thực hiện các dự án giáo dục, nghiên cứu khoa học	3,37	0,62	3,37	0,62	0,32*
7	Hoạt động tự bồi dưỡng của đội ngũ GV	3,86	0,82	3,79	0,91	0,50**
Chung		3,85	0,70	3,79	0,83	0,42**

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, Xét trên toàn mẫu khảo sát và trên ĐTB tổng thể, thực trạng hình thức tổ chức BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được CBQL và GV, NV đánh giá thực hiện ở mức độ “thường xuyên” (ĐTB=3,85) và hiệu quả ở mức “khá” (ĐTB=3,79). Giá trị ĐLC < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát rất nhỏ. ĐTB của hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện ở ĐTB chung và cả các khía cạnh đánh giá cụ thể. Điều này cho thấy vẫn còn những bất cập trong thực trạng thực hiện hình thức BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Các hình thức tổ chức bồi dưỡng được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện cao nhất là: “Hình thức bồi dưỡng tập trung của cơ quan QLGD”; “Sinh hoạt chuyên môn cụm trường tiểu học”; Hình thức lớp học trực tuyến của cơ quan QLGD. Hình thức tổ chức bồi dưỡng thực hiện và hiệu quả thấp hơn so với các hình thức khác bao gồm: “Bồi dưỡng chuyên đề thường xuyên tại địa phương”; “Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học, thực hiện các dự án giáo dục, nghiên cứu khoa học”.

Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, trong mỗi hình thức tổ chức BDNL TVHĐ cho GV, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ ($r = 0,19-0,50$, $p < 0,01$; $p < 0,05$). Kết quả này chứng tỏ rằng, các trường tiểu học càng quan tâm thực hiện các hình thức BDNL TVHĐ cho GV đa dạng thì càng mang lại hiệu quả tích cực. Vì vậy, các trường tiểu học cần quan tâm phối hợp thực hiện thường xuyên và chú trọng khai thác ưu điểm của mỗi hình thức và cũng để GV có điều kiện lựa chọn cho mình hình thức bồi dưỡng phù hợp để họ có thể vừa tham gia bồi dưỡng vừa làm tốt nhiệm vụ chuyên môn và TVHĐ ở nhà trường.

3.4. Thực trạng lực lượng tham gia hoạt động bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng lực lượng tham gia hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học

Stt	Lực lượng	Mức độ tham gia		Mức độ hiệu quả		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Cơ quan QLGD và chính quyền địa phương	3,54	0,70	3,64	0,80	0,29*
2	CSGD thực hiện nhiệm vụ BDNL TVHĐ	3,45	0,66	3,56	0,56	0,26**
3	Đội ngũ chuyên gia, báo cáo viên thực hiện nhiệm vụ BDNL TVHĐ	3,50	0,80	3,61	0,68	0,41*
4	Lực lượng tổ chức và điều hành hoạt động BDNL TVHĐ của nhà trường	3,84	0,72	3,71	0,67	0,30**
5	Lực lượng tham gia hỗ trợ, phục vụ điều kiện tổ chức BDNL TVHĐ	3,79	0,65	3,65	0,70	0,36*
Chung		3,62	0,76	3,63	0,60	0,37**

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, CBQL và GV ở các trường tiểu học trên địa bàn Quận 10, TP.HCM đánh giá các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở mức độ “thường xuyên” (**ĐTB = 3,62**), hiệu quả mức “Khá” (**ĐTB = 3,63**). Giá trị ĐLC < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ tập trung ý kiến của các đối tượng khảo sát rất cao. ĐTB chung hiệu quả thấp hơn (nhưng không đáng kể) so với ĐTB thực hiện. Kết quả này thể hiện có sự tương đồng nhất định trong mức độ tham gia và hiệu quả của các lực lượng tham gia hoạt động bồi dưỡng. Trong đó, lực lượng tham gia thường xuyên và mang lại hiệu quả cao nhất là nguồn lực nhân sự của nhà trường: Lực lượng tổ chức và điều hành hoạt động bồi dưỡng ở nhà trường (Ban giám hiệu, TCM) và Lực lượng tham gia hỗ trợ, phục vụ các điều kiện tổ chức hoạt động của nhà trường (cán bộ phụ trách CSVC, TBGD, văn phòng...). Đồng thời, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, các điều kiện từ Cơ quan QLGD và chính quyền địa phương (Sở/Phòng GD&ĐT, UBND các cấp), cùng với đội ngũ chuyên gia, nhà giáo thuộc các CSGD thực hiện nhiệm vụ BDNL TVHĐ cho GV cũng đóng góp tích cực tạo ra hiệu quả tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV; đóng vai trò quan trọng trong tổ chức thành công và có chất lượng hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Vì vậy, các nhà trường cần đẩy mạnh công tác huy động nguồn lực, phối hợp với các lực lượng tham gia trong hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn.

Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, mức độ tham gia và hiệu quả tham gia của các lực lượng trong tổ chức BDNL TVHĐ cho GV có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ ($r = 0,29-0,41$, $p < 0,05$ và $p < 0,01$). Kết quả này chứng tỏ rằng, sự tham gia của các lực lượng trong hoạt động BDNL TVHĐ cho GV càng thường xuyên thì càng tạo ra hiệu quả tích cực. Vì vậy, các nhà trường cần đẩy mạnh công tác huy động nguồn lực, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục, chính quyền, lực lượng giáo dục trong BDNL TVHĐ cho GV ở trường tiểu học.

3.5. Thực trạng điều kiện hoạt động bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, các nội dung khảo sát về điều kiện hỗ trợ tổ chức điều kiện tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV được CBQL và GV trên địa bàn đánh giá nhà trường đầu tư ở mức độ “thường xuyên” (ĐTB= 4,01) và đáp ứng ở mức độ “khá” (ĐTB= 3,80). Giá trị ĐLC < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát rất nhỏ. ĐTB chung hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện. Điều này cho thấy vẫn còn những bất cập trong thực trạng về điều kiện tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Trong đó, CBQL và GV đánh giá các điều kiện về “Nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHĐ”; “Nguồn lực tài chính, kinh phí phân bổ đối với hoạt động BDNL TVHĐ cho GV” có mức độ đầu tư thường xuyên và mức độ đáp ứng cao hơn so với các điều kiện khác. Điều kiện về “Nguồn lực phối hợp các

lực lượng tham gia hoạt động BDNL TVHĐ cho GV” và “Hệ thống học liệu, tài liệu bồi dưỡng về TVHĐ” đầu tư và đáp ứng ở mức độ thấp nhất.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về điều kiện tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học

Stt	Điều kiện	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHĐ	4,25	0,71	3,87	0,72	0,32*
2	Hệ thống học liệu, tài liệu bồi dưỡng về TVHĐ	3,95	0,69	4,00	0,65	0,51**
3	Nguồn lực tài chính, kinh phí phân bổ đối với hoạt động BDNL TVHĐ cho GV	4,10	0,77	3,86	0,77	0,28**
4	Nguồn lực thời gian sắp xếp đối với hoạt động BDNL TVHĐ cho GV	3,96	0,77	3,63	0,89	0,32**
5	Nguồn lực phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động BDNL TVHĐ cho GV	3,80	0,80	3,64	0,79	0,27*
Chung		4,01	0,76	3,80	0,75	0,40*

Mối tương quan về mức độ đầu tư và mức độ đáp ứng của các điều kiện tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho GV ở các trường tiểu học thể hiện mức tương quan chặt chẽ ($r=0,27-0,40$, $p<0,01$ và $p<0,05$). Vì vậy, các trường tiểu học càng quan tâm đầu tư điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện kinh phí, thời gian, nguồn lực nhân sự... cho hoạt động BDNL TVHĐ cho GV thì mức độ đáp ứng tổ chức hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học càng cao.

3.6. Thực trạng đánh giá kết quả hoạt động bồi dưỡng năng lực tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về đánh giá kết quả hoạt động BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học

Stt	Đánh giá kết quả	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Thu thập thông tin chính xác, kịp thời về mức độ đáp ứng mục tiêu bồi dưỡng	3,51	0,53	3,45	0,61	0,28**
2	Định hướng nhà quản lý và đội ngũ GV điều chỉnh chương trình bồi dưỡng	3,63	0,59	3,60	0,62	0,35*
3	Xác định mức độ đạt được mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ sau chuyên đề bồi dưỡng	3,29	0,59	3,22	0,63	0,44*
4	Đánh giá việc vận dụng kiến thức, kỹ năng được bồi dưỡng của GV vào thực tiễn TVHĐ	3,40	0,49	3,33	0,56	0,50**
5	Đánh giá tinh thần, thái độ, trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn cho HS của GV	3,90	0,80	3,80	0,88	0,36**
Chung		3,55	0,60	3,48	0,59	0,46**

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy, nhìn chung, công tác đánh giá kết quả hoạt động BDNL TVHĐ cho GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được thực hiện ở mức thường xuyên và khá hiệu quả (ĐTB thực hiện = 3,55; ĐTB hiệu quả = 3,48). Giá trị ĐLC < 1 ở tất cả các tiêu chí khảo sát cho thấy độ tập trung ý kiến của các đối tượng khảo sát rất lớn. ĐTB chung hiệu quả cao hơn so với ĐTB thực hiện. Điều này cho thấy trong công tác đánh giá kết quả hoạt động BDNL TVHĐ cho GV ở các trường tiểu học đã thể hiện được những điểm tích cực và hiệu quả.

Trong đó, các khía cạnh quan trọng trong đánh giá kết quả hoạt động BDNL TVHĐ cho GV như: “Đánh giá tinh thần, thái độ, trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn cho HS trong nhà trường”; “Định hướng nhà quản lý và đội ngũ GV điều chỉnh chương trình bồi dưỡng” có mức độ thực hiện thường xuyên và hiệu quả cao hơn. Tuy vậy, việc “Xác định mức độ đạt được mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ sau mỗi chuyên đề bồi dưỡng” và “Đánh giá việc vận dụng kiến thức, kỹ năng được bồi dưỡng của GV vào thực tiễn TVHĐ” thực hiện ở mức độ thường xuyên và hiệu quả thấp nhất. Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả của công tác đánh giá có mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0,28-0,50$, $p<0,05$ và $p<0,01$; $p<0,01$), chứng tỏ rằng, các trường tiểu học càng quan tâm công tác đánh giá thì càng

phát huy với ý nghĩa quan trọng để GV tiếp tục rèn luyện và phát triển năng lực TVHĐ và để các cơ sở giáo dục, các nhà quản lý và đội ngũ GV điều chỉnh chương trình, kế hoạch BDNL TVHĐ.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, xét chung tổng thể, trong 6 thành tố cấu trúc hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHĐ cho đội ngũ GV trường tiểu học được đánh giá: mục tiêu; nội dung; hình thức; lực lượng; điều kiện; đánh giá kết quả bồi dưỡng; kết quả khảo sát chỉ ra rằng, CBQL và GV ở các trường tiểu học Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có nhận thức đúng đắn về mục tiêu BDNL TVHĐ cho GV, tuy vậy, trong thực tiễn BDNL TVHĐ cho đội ngũ GV vẫn còn thể hiện những hạn chế nhất định. Về tổng thể, nhiều tiêu chí khảo sát trong các thành tố của hoạt động BDNL TVHĐ cho GV cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học phổ biến ở mức độ “thường xuyên” thực hiện và hiệu quả ở mức “khá”; vẫn còn một số tiêu chí chỉ thực hiện ở mức độ “thỉnh thoảng” và hiệu quả ở mức “trung bình”. ĐTB của hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện ở ĐTB chung và cả các khía cạnh đánh giá cụ thể. Điều này cho thấy vẫn còn những bất cập trong thực trạng thực hiện các thành tố cấu trúc hoạt động bồi dưỡng năng lực TVHĐ cho đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan ở nhà trường trong tổ chức năng lực TVHĐ cho đội ngũ GV ở trường tiểu học bao gồm: (1) *Đối với nhà quản lý trường tiểu học*: xây dựng và thực hiện có chương trình, kế hoạch các nội dung, hình thức bồi dưỡng năng lực TVHĐ cho đội ngũ GV, trong đó xác định mục tiêu bồi dưỡng rõ ràng; xác định các nguồn lực, điều kiện và có phương án huy động các lực lượng tham gia tích cực vào hoạt động bồi dưỡng; các tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực TVHĐ của GV, đồng thời thường xuyên giám sát và điều chỉnh các hoạt động bồi dưỡng sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế và phát triển năng lực của đội ngũ GV; (2) *Đối với đội ngũ giáo viên trường tiểu học*: Chủ động tham gia các khóa học, hội thảo, và chương trình bồi dưỡng về TVHĐ; thường xuyên trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về các vấn đề TVHĐ, tạo môi trường làm việc hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau; Chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành để không ngừng nâng cao năng lực và đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác TVHĐ trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT về hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT về ban hành chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT quy định về việc đánh giá, xếp loại kết quả bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên* (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022a). *Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022b). *Quyết định số 2138/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 ban hành kế hoạch giáo dục sức khỏe tâm thần cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2022–2025*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023a). *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT: Hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023b). *Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập*.
- Lê, T. A. (2023). Xây dựng và sử dụng khung năng lực trong phát triển đội ngũ giáo viên làm công tác tư vấn học đường ở trường tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(10).
- Lê, T. Q. N. (2017). Những yêu cầu về năng lực tư vấn của người giáo viên trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 141.
- Nguyễn, T. M. H., Huỳnh, V. S., Nguyễn, T. D. M., & Sâm, V. L. (2018). Solutions to developing the school counseling staff in Vietnam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(10), 5–16.
- Nguyễn, T. T. T. (2021). *Quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam* (Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng).
- Phạm, T. P. T., Phan, T. H. G., & Bùi, T. T. (2024). Sức khỏe tâm thần của học sinh tiểu học tại Hà Nội: Thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(4).
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giáo dục 2019*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021–2025*.

UNICEF. (2022). *Nghiên cứu toàn diện về các yếu tố liên quan đến trường học ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và sự phát triển toàn diện của trẻ em vị thành niên tại Việt Nam*. <https://www.unicef.org/vietnam/media/9821/file>

World Health Organization. (1997). *Promoting health through schools: Report of a WHO Expert Committee on Comprehensive School Health Education and Promotion* (WHO Technical Report Series No. 870). Geneva: WHO.

School counseling capacity training for teachers at primary schools in District 10, Ho Chi Minh City: Current situation and recommendations

Dam My Khanh¹, Pham Thi Thuy Hang²

¹Le Thi Rieng Primary School, District 10, Ho Chi Minh City

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 11 November 2024

Received in revised form: 26 December 2024

Accepted: 28 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Capacity building;

School counselling;

Teachers;

Primary school.

Corresponding author:

Pham Thi Thuy Hang

E-mail address:

ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

School counselling (SCO) for students in Vietnam is currently not popular and schools lack specialized staff to carry out this work. Given the requirements for having a team of teachers with SCO capacity, training SCO capacity for primary school teachers has become urgent and important. The article presents the results of a study on the current status of TVHĐ capacity-building activities for teachers in primary schools in District 10, Ho Chi Minh City. Through a survey using questionnaires for managers and teachers in primary schools in the research area, the following aspects were taken into account: training objectives; training content; training forms; training organization forces; training organization conditions; training results assessment; and at the same time, the correlation between the level and effectiveness of implementation in the assessment criteria was analyzed. The survey results are a practical basis for the entities implementing TVHĐ capacity-building activities for primary school teachers to take appropriate measures to improve the effectiveness of this work in primary schools in the area.